

Hà Nội, ngày 18 tháng 06 năm 2016

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KHOA MÔI TRƯỜNG ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2035

I. CƠ SỞ ĐỂ XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC

1. Căn cứ pháp lý

Chiến lược phát triển Khoa Môi trường, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035 được xây dựng theo Quyết định số 3493/QĐ-BTNMT ngày 29/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc Phê duyệt Chiến lược phát triển Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035; Quyết định số 4520/QĐ-TĐHHN ngày 31/12/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội; Kế hoạch số 151/KH-TĐHHN ngày 15/01/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc thực hiện nhiệm vụ Chiến lược phát triển Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội giai đoạn 2016-2020.

2. Mục tiêu phát triển của nhà Trường

Xây dựng và phát triển Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội trở thành cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về các lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường; đáp ứng được yêu cầu công tác quản lý, thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; đến năm 2025 trở thành trường đại học trọng điểm quốc gia trong lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường theo định hướng ứng dụng.

Phấn đấu có đủ năng lực để hội nhập khu vực và thế giới

3. Mục tiêu giáo dục của Khoa

3.1. Mục tiêu chung

Đào tạo ra những con người có sức khỏe, phẩm chất đạo đức, bản lĩnh chính trị, trí tuệ và trách nhiệm với đất nước; có đủ năng lực, trình độ để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, quản lý, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực môi trường, tài nguyên thiên nhiên và phát triển bền vững phục vụ nhu cầu xã hội; có khả năng tự chủ, chủ động học tập, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và cách mạng khoa học công nghệ.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Phát triển chương trình đào tạo các ngành về lĩnh vực môi trường, tài nguyên thiên nhiên và phát triển bền vững theo định hướng ứng dụng, trang bị kiến thức nền tảng vững chắc, đồng thời chú trọng phát triển năng lực thực hành nghề nghiệp và khả năng thích ứng với môi trường làm việc hiện đại. Đổi mới mạnh mẽ phương thức tổ chức đào tạo, ứng dụng những công nghệ giáo dục mới, thúc đẩy quá trình tự học qua nghiên cứu, sáng tạo và trải nghiệm.

Phát triển hài hòa và gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu ứng dụng và triển khai; gắn kết nghiên cứu với đào tạo, thúc đẩy chuyển giao tri thức và thương mại hóa sản phẩm; chú trọng nâng cao thành tích và phát triển tiềm lực nghiên cứu.

Phát triển theo định hướng hội nhập với khu vực và quốc tế, tiếp thu chọn lọc những mô hình tiên tiến và kinh nghiệm thành công của các trường đại học đầu ngành trong và ngoài nước trong lĩnh vực môi trường, tài nguyên thiên nhiên và phát triển bền vững. Đào tạo ra nguồn nhân lực có năng lực và trình độ chuyên môn đáp ứng với nhu cầu thực tế, có khả năng cạnh tranh, ý thức trách nhiệm với xã hội.

Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo về môi trường, tài nguyên thiên nhiên và phát triển bền vững tại Việt Nam và trên thế giới. Xây dựng được mạng lưới cộng tác và nghiên cứu giữa khoa, cựu sinh viên, doanh nghiệp.

Thực hiện tốt các trách nhiệm xã hội và phục vụ cộng đồng trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên và phát triển bền vững.

4. Điều kiện cụ thể của Khoa Môi trường

- Nguồn nhân lực hiện tại của khoa gồm 47 cán bộ, giảng viên trong đó 01 giảng viên được bổ nhiệm học hàm phó giáo sư, 10 giảng viên có trình độ tiến sĩ, 33 giảng viên có trình độ thạc sĩ (với 13 giảng viên đang làm nghiên cứu sinh); 05 cán bộ trợ lý khoa và chuyên viên phòng thí nghiệm có trình độ thạc sĩ, kỹ sư.

- Số sinh viên theo học sau đại học (bậc Thạc sĩ) có 42 học viên, 2.600 sinh viên bậc đại học (hệ chính quy, liên thông chính quy, vừa học vừa làm) và cao đẳng.

- Có 10 năm kinh nghiệm trong đào tạo đại học và sau đại học, 10 năm kinh nghiệm trong các hoạt động nghiên cứu khoa học, tư vấn, dịch vụ và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực môi trường, tài nguyên thiên nhiên và phát triển bền vững.

- Có hệ thống phòng thí nghiệm cho các lĩnh vực: Công nghệ môi trường, Quan trắc môi trường, Phân tích hiện đại, Phân tích cơ bản, Vi sinh.

II. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN ĐÀO TẠO VÀ NCKH CỦA KHOA

1. Chiến lược phát triển đào tạo

1.1. Mục tiêu phát triển đào tạo

- Tiếp tục củng cố và phát triển các ngành chủ lực như: Công nghệ kỹ thuật môi trường, Quản lý tài nguyên và môi trường, Khoa học môi trường để xác định vị thế, uy tín của khoa trong đào tạo và nghiên cứu khoa học về lĩnh vực môi trường trong cả nước. Mục tiêu đến năm 2025 là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường theo định hướng ứng dụng, phù hợp tiêu chuẩn quốc tế.

- Tiếp tục mở rộng, đa dạng hoá ngành nghề đào tạo phù hợp với các chức năng, nhiệm vụ và chuyên môn của khoa trong các lĩnh vực liên ngành: Quản lý tài nguyên thiên nhiên, năng lượng và bảo vệ môi trường, quản lý hạ tầng và đô thị, an toàn sức khỏe môi trường, áp dụng khoa học công nghệ cao trong bảo vệ môi trường.

- Hợp tác với các trường đại học trong và ngoài nước để mở rộng các chương trình chất lượng cao đào tạo liên kết, liên thông ở bậc đại học, sau đại

học ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường, Quản lý tài nguyên và môi trường, Khoa học Môi trường...

- Xây dựng môi trường học tập và nghiên cứu khoa học tiên tiến, năng động, hiệu quả cao đạt chất lượng theo chuẩn quốc gia và khu vực.

1.2. Phát triển chất lượng đào tạo

- Phát triển quy mô đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên. Xây dựng mô hình gắn kết nghiên cứu khoa học, giảng dạy và thực tế. Tăng cường tính thực tiễn trong đào tạo, nghiên cứu về các lĩnh vực liên quan đến tài nguyên và môi trường

- Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, thư viện, phòng thí nghiệm, trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học.

- Phát triển chương trình đào tạo, đa dạng hóa loại hình đào tạo, nâng cao số lượng và chất lượng giáo trình, tài liệu chuyên khảo, tăng cường nguồn học liệu qua nhiều kênh thông tin, đổi mới phương pháp giảng dạy.

- Thực hiện tự đánh giá các chương trình đào tạo và đăng ký đánh giá ngoài để đạt chuẩn của Bộ Giáo dục và đào tạo.

- Áp dụng công nghệ 4.0 trong điều hành tổ chức các hoạt động để nâng cao hiệu quả quản lý.

1.3. Loại hình, cấp đào tạo (chính quy, từ xa, vừa làm học vừa ...)

- Loại hình: Chính quy, liên thông chính quy, vừa học vừa làm tại trường và tại các cơ sở liên kết theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo.

- Cấp bậc đào tạo: Đại học, Sau đại học (thạc sỹ, tiến sỹ)

1.4. Cơ cấu ngành nghề

Bên cạnh các ngành chủ lực Khoa Môi trường dự kiến sẽ mở thêm một số ngành mới.

Năm	Các ngành dự kiến mở mới	Dự kiến tuyển sinh
2018	Quản lý tài nguyên và môi trường – Hệ thạc sỹ	10
2020	Công nghệ kỹ thuật môi trường – Hệ đại học chất lượng cao	30
2020	Khoa học môi trường – Hệ tiến sỹ	10
2021	An toàn, sức khỏe nghề nghiệp – Hệ đại học	50

2021	Quản lý hạ tầng và đô thị - – Hệ đại học	50
2022	Quản lý năng lượng – Hệ đại học	50
2025	Ứng dụng công nghệ cao trong quản lý môi trường – Hệ đại học	50

2. Chiến lược phát triển khoa học công nghệ

2.1. Mục tiêu phát triển nghiên cứu khoa học

- Đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu thực tế của lĩnh vực môi trường, tài nguyên thiên nhiên và phát triển bền vững.
- Nâng cao trình độ và năng lực đội ngũ giảng viên và đội ngũ phục vụ, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.
- Củng cố và tăng cường cơ sở vật chất cho Khoa phục vụ đào tạo, nghiên cứu.

2.2. Định hướng phát triển nghiên cứu khoa học

Thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh, tập hợp các nhà khoa học trong và ngoài trường, kể cả nước ngoài tham gia. Tham gia đấu thầu và đăng ký đề tài, dự án theo hướng chuyên ngành và liên ngành, trong và ngoài nước, các bộ, các tỉnh, các doanh nghiệp. Các hướng nghiên cứu được ưu tiên theo từng lĩnh vực chuyên ngành như sau:

- Nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ, mô hình dự báo, giám sát, cảnh báo sớm chất lượng môi trường phục vụ công tác quản lý, bảo vệ môi trường, an toàn sức khỏe môi trường;
- Nghiên cứu giải pháp công nghệ, kỹ thuật phù hợp điều kiện Việt Nam trong ngăn ngừa và xử lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi môi trường trong đó đặc biệt chú ý đến công nghệ sinh học.
- Nghiên cứu lượng giá kinh tế và bồi thường thiệt hại môi trường do ô nhiễm, sự cố môi trường và thiên tai.
- Nghiên cứu, đề xuất các công cụ, mô hình quản lý mới và khả thi trong quản lý, bảo vệ môi trường và bảo tồn, sử dụng bền vững đa dạng sinh học; phát triển bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

- Nghiên cứu các vật liệu mới, thân thiện với môi trường trong sản xuất, xử lý chất thải nhằm tiết kiệm tài nguyên, tiết kiệm năng lượng.

- Nghiên cứu cảnh báo và ứng phó các sự cố môi trường theo các cơ chế tài chính sớm, xây dựng các mô hình giảm thiểu chất thải, các mô hình quản lý tổng hợp chất thải rắn và chất thải nguy hại.

- Ứng dụng quản lý môi trường cho các công trình dân dụng và công nghiệp.

- Nghiên cứu đánh giá các yếu tố tác động đến cân bằng môi trường, an toàn sức khỏe trong điều kiện phát triển kinh tế xã hội Việt Nam.

3. Chiến lược phát triển các mối liên kết với môi trường kinh tế - xã hội

3.1. Mục tiêu phát triển các mối liên kết với môi trường kinh tế - xã hội

- Thiết lập các quan hệ hợp tác trong nước và quốc tế để nâng cao hiệu quả hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học.

- Gắn chặt các hoạt động nghiên cứu khoa học về môi trường, tài nguyên thiên nhiên và phát triển bền vững nhằm trực tiếp phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

3.2. Chiến lược mở rộng và khai thác các mối liên kết

- Củng cố các nhóm nghiên cứu trong khoa, tiến tới hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh, tạo mối liên hệ chặt chẽ giữa đào tạo và nghiên cứu, triển khai ứng dụng. Kết hợp với các viện, trung tâm trong nhà trường xây dựng kế hoạch về đào tạo ngắn hạn, bồi dưỡng chuyên môn về nghề nghiệp lĩnh vực môi trường, kết hợp các doanh nghiệp trong nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, tạo mạng lưới liên kết các nhà sử dụng lao động, tạo cơ hội cho sinh viên, giảng viên tiếp cận với thực tế.

- Đẩy mạnh hợp tác trong nước và quốc tế (với các doanh nghiệp, trường, viện...) để khai thác mọi nguồn lực phát triển ngành nghề.

III CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CỦA KHOA

1. Quy mô và cơ cấu trình độ đội ngũ

Cơ cấu trình độ cán bộ của khoa Môi trường đến năm 2030 theo lộ trình phát triển như sau:

TT	Cơ cấu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2025	Năm 2030
1	Giảng viên (1)	43	45	50	51	51	51
-	CBGD trình độ GS, PGS	01	01	05	04	08	12
-	CBGD trình độ Tiến sĩ	10	11	18	18	20	21
-	CBGD trình độ Thạc sĩ	32	33	31	29	23	18
-	CBGD trình độ Đại học	0	0	0	0	0	0
2	Cán bộ phục vụ (2)	04	05	05	05	05	05
	Cộng (1 + 2)	47	50	55	56	56	56

2. Các giải pháp phát triển đội ngũ

2.1 Mục tiêu

- Qui hoạch phát triển đội ngũ cán bộ viên chức đủ về số lượng, mạnh về chất lượng, đủ phẩm chất và năng lực hoàn thành tốt nhiệm vụ trong công cuộc đổi mới của ngành Giáo dục và Đào tạo, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nhân lực kỹ thuật cho công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

- Đến năm 2025 có 55% cán bộ, giảng viên các ngành đạt trình độ trên tiến sỹ trở lên, trình độ ngoại ngữ và tin học có thể làm việc trực tiếp với các đại học của khu vực và thế giới.

- Mỗi ngành đào tạo phải có ít nhất 2 chuyên gia đầu ngành làm hạt nhân để củng cố, phát triển đội ngũ cán bộ giảng dạy.

2.2 Giải pháp

- Có kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn của giảng viên.

- Đẩy mạnh và có chế độ khen thưởng kịp thời cho các giảng viên có các bài báo đăng trên các tạp chí uy tín được thế giới công nhận.

- Thành lập nhóm nghiên cứu mạnh, củng cố đội ngũ nghiên cứu khoa học làm thế mạnh của Khoa trong đà hội nhập các trường trong ngành kỹ thuật.

- Xây dựng chính sách thu hút các nhà khoa học quốc tế đến giảng dạy và nghiên cứu tại Trường.

- Đổi mới mạnh mẽ phương pháp giảng dạy và học. Giảng viên cần kết hợp chặt chẽ việc trang bị kiến thức với bồi dưỡng tư duy sáng tạo, kỹ năng làm việc theo nhóm và năng lực lãnh đạo cho người học. Nâng cao năng lực tự học, khả năng làm việc độc lập và các kỹ năng mềm cho sinh viên.

TRƯỞNG ĐƠN VỊ



TS. Lê Thị Trinh